

Số: 766 /VTVcab

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2024

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN trên BCTC hợp nhất quý 2 năm 2024 của VTVcab thay đổi trên 10% so với cùng kỳ năm trước và chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này.

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam

Mã chứng khoán: CAB

Địa chỉ: Số 3/84 đường Ngọc Khánh, P.Giảng Võ, Q.Ba Đình, Hà Nội

*Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;*

*Căn cứ Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/09/2016 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.*

Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam (VTVcab) giải trình chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2024 của VTVcab thay đổi trên 10% so với cùng kỳ năm trước và chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này như sau:

CHỈ TIÊU	Quý 2/2024	Quý 2/2023	Chênh lệch	
			Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ % tăng/giảm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	486.089.430.207	526.244.607.101	(40.155.176.894)	-8%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	0%
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	486.089.430.207	526.244.607.101	(40.155.176.894)	-8%
4. Giá vốn hàng bán	385.381.928.017	413.838.219.354	(28.456.291.337)	-7%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	100.707.502.190	112.406.387.747	(11.698.885.557)	-10%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	790.184.857	1.588.179.567	(797.994.710)	-50%
7. Chi phí tài chính	3.164.879.023	5.027.224.542	(1.862.345.519)	-37%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	2.807.108.943	4.900.576.060	(2.093.467.117)	-43%
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	(637.831.049)	(42.358.910)	(595.472.139)	1406%
9. Chi phí bán hàng	30.177.988.916	41.738.569.805	(11.560.580.889)	-28%

CHỈ TIÊU	Quý 2/2024	Quý 2/2023	Chênh lệch	
			Giá trị (VND)	Tỷ lệ % tăng/giảm
<b>10. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>66.603.073.133</b>	<b>65.749.346.248</b>	<b>853.726.885</b>	<b>1%</b>
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	913.914.926	1.437.067.809	(523.152.883)	-36%
<b>12. Thu nhập khác</b>	<b>360.975</b>	<b>7.380.256.736</b>	<b>(7.379.895.761)</b>	<b>-100%</b>
13. Chi phí khác	173.412.018	68.480.666	104.931.352	153%
14. Lợi nhuận khác	(173.051.043)	7.311.776.070	(7.484.827.113)	-102%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	740.863.883	8.748.843.879	(8.007.979.996)	-92%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.852.951.391	2.057.739.153	(204.787.762)	-10%
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	44.562.772	169.137.858	(124.575.086)	-74%
<b>18. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>(1.156.650.280)</b>	<b>6.521.966.868</b>	<b>(7.678.617.148)</b>	<b>-118%</b>

Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2024 giảm 118% so với Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2023 của VTVcab.

Trong quý 2 năm 2024, tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn dẫn đến doanh thu của VTVcab và các công ty con đều giảm. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của VTVcab giảm 8% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù, VTVcab đã áp dụng các biện pháp để chi phí giá vốn hàng bán giảm 7%, chi phí tài chính giảm 37%, chi phí bán hàng giảm 28% so với cùng kỳ năm trước nhưng vẫn không bù đắp được giá trị doanh thu sụt giảm, theo đó tổng lợi nhuận sau thuế quý 2 năm 2024 giảm 118% so với quý 2 năm 2023, đồng thời chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này. ✓

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, TCKT

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** ✓



**VU HAI THANH**